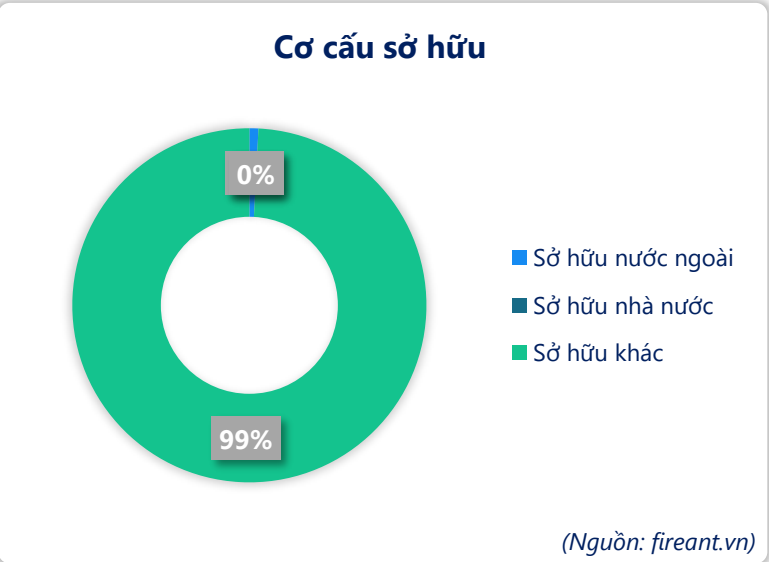
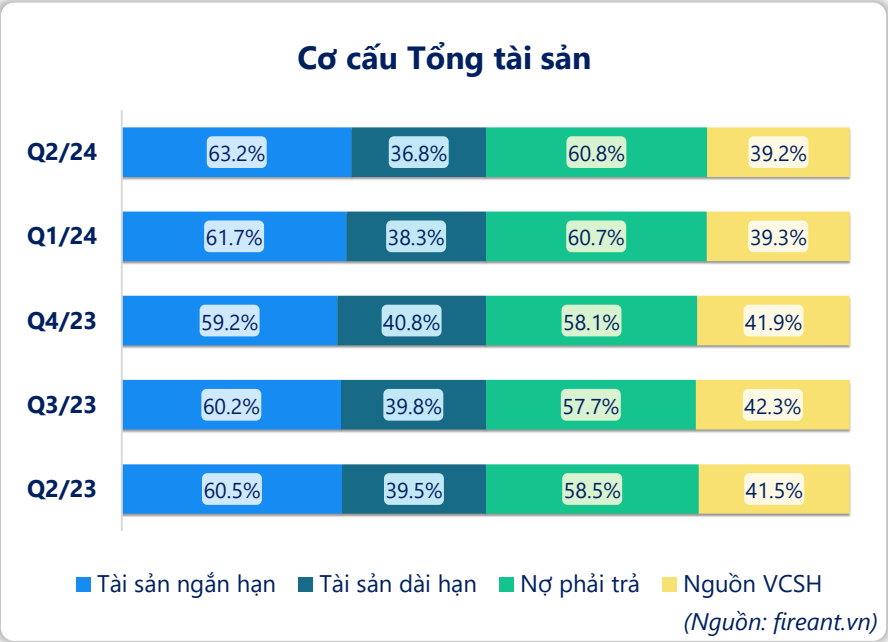
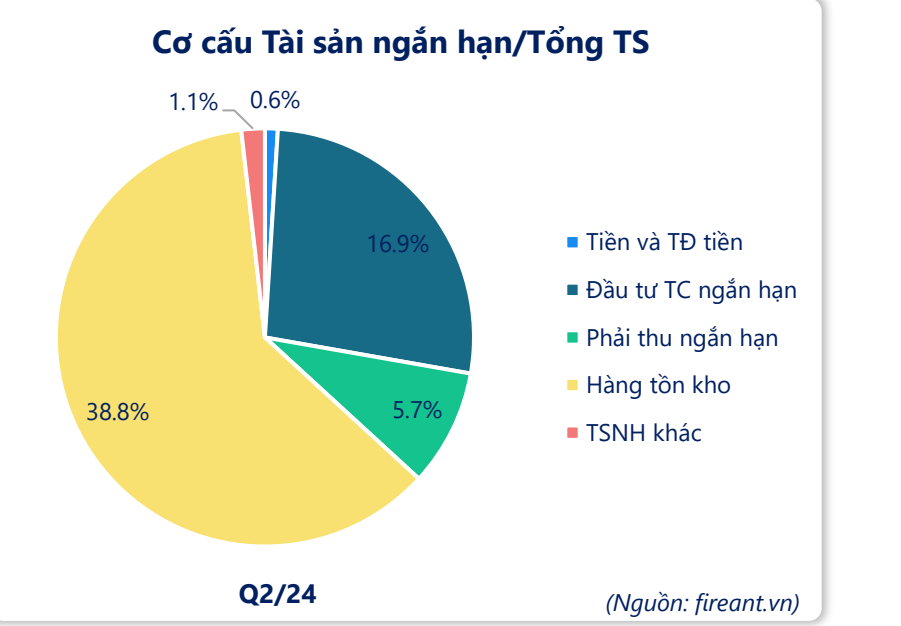
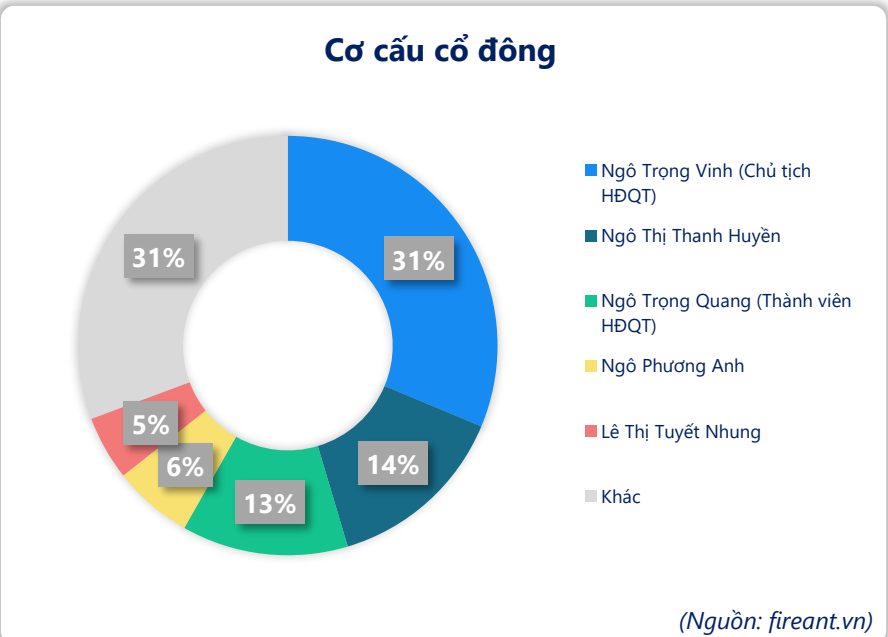
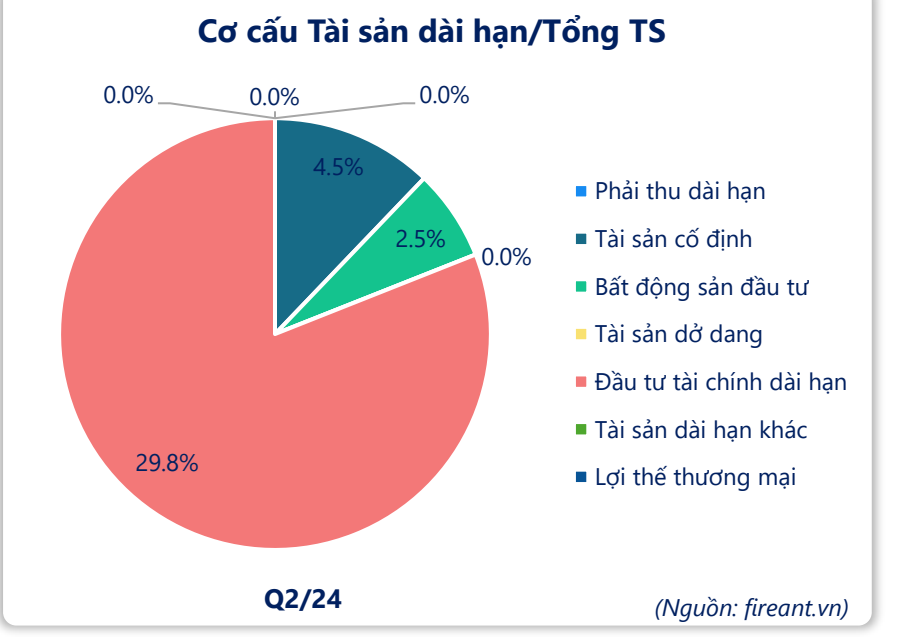
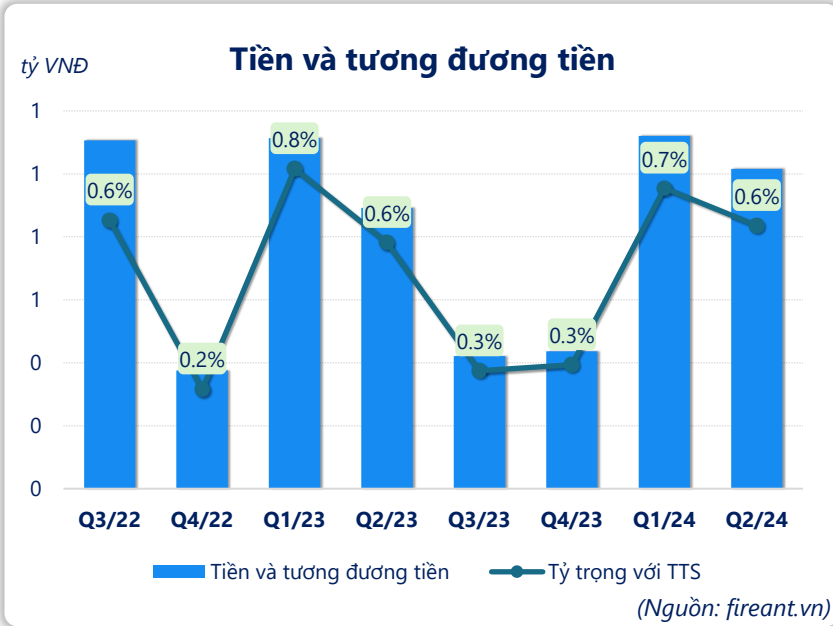
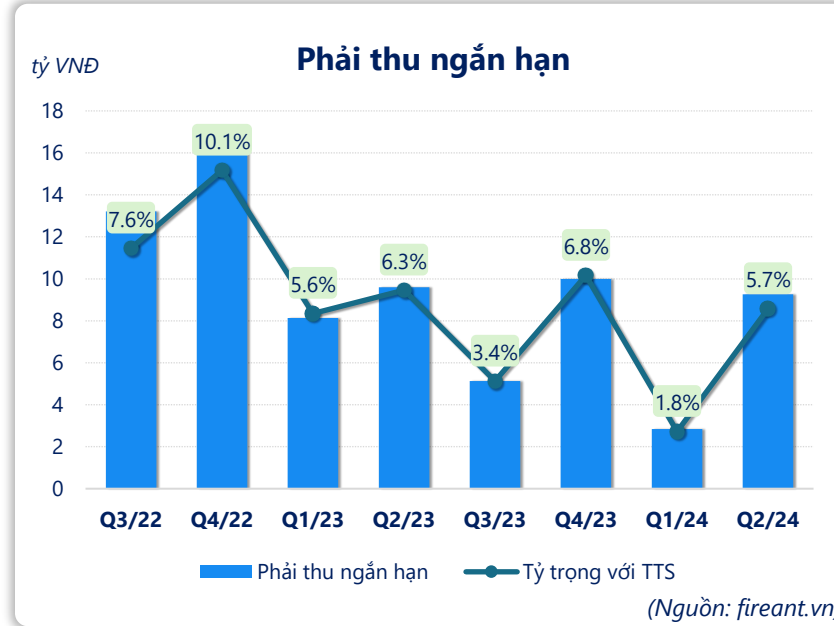
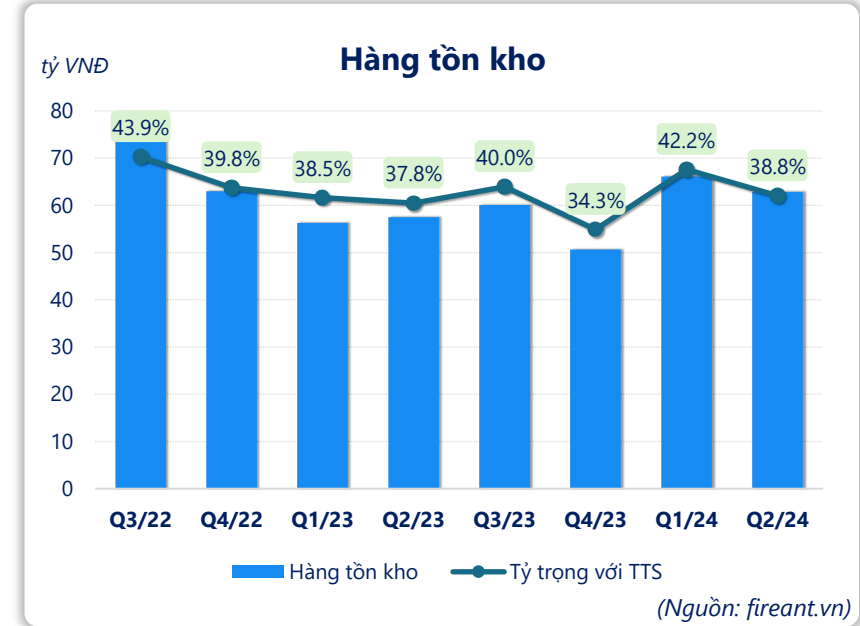
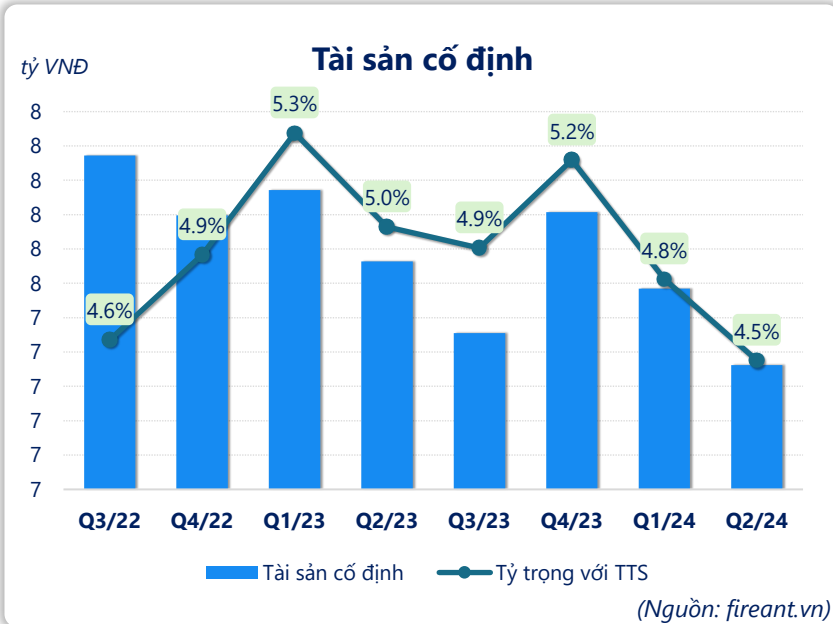
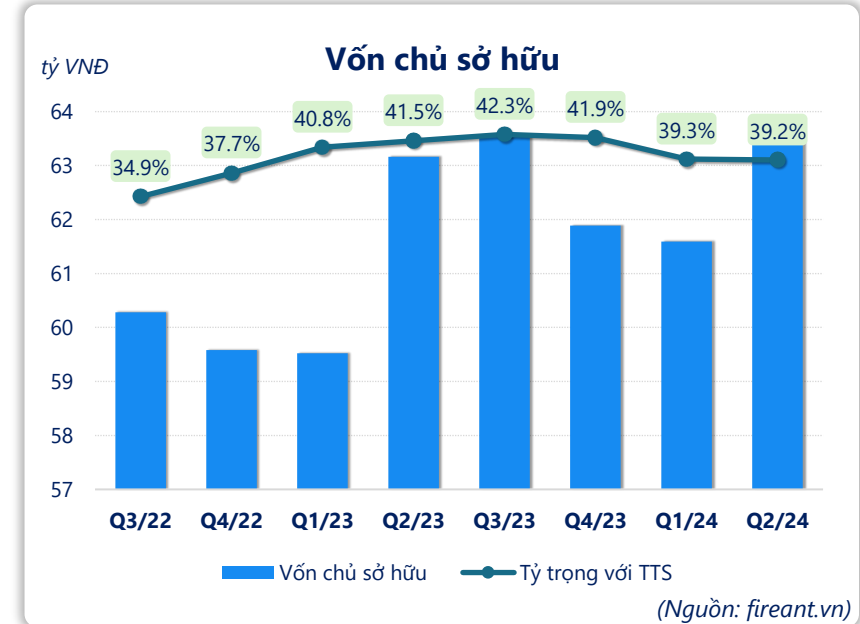
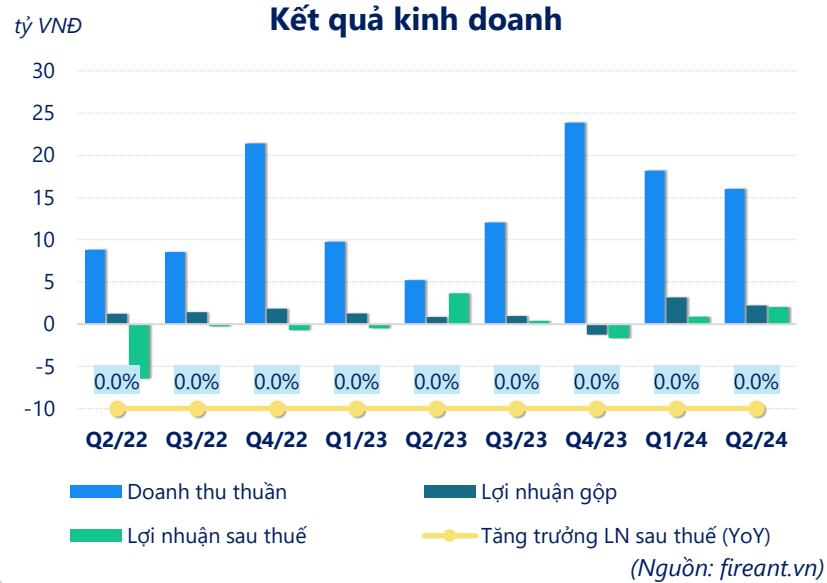
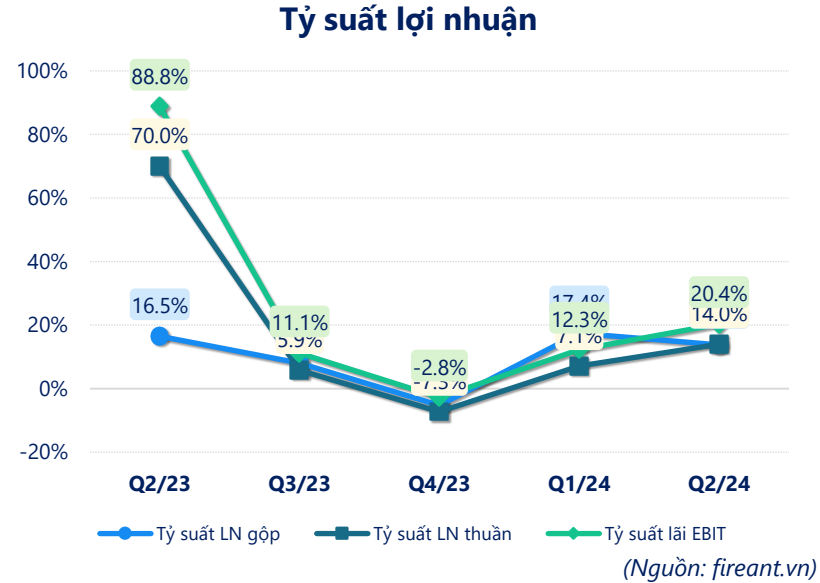
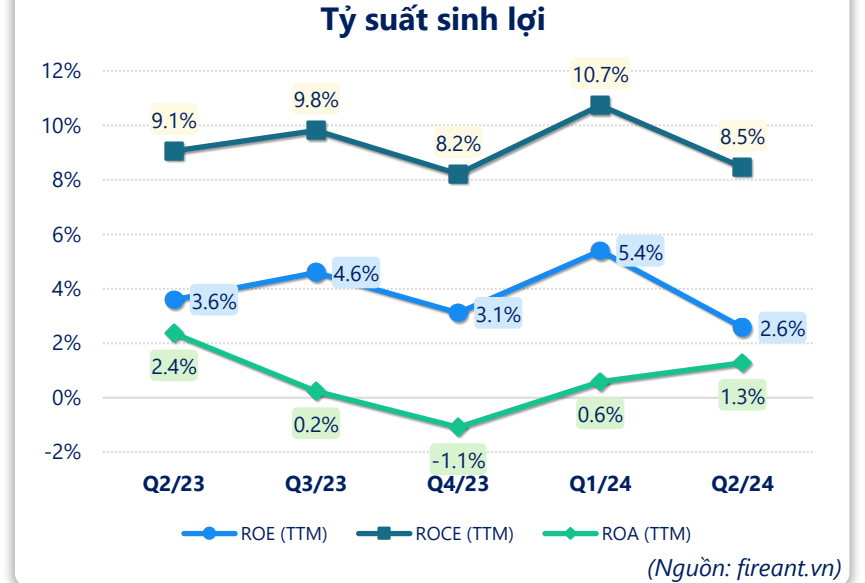
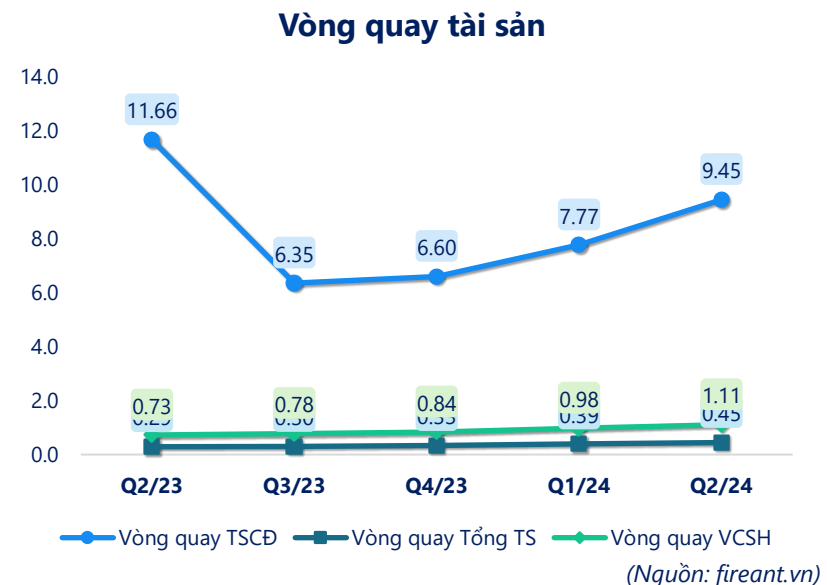
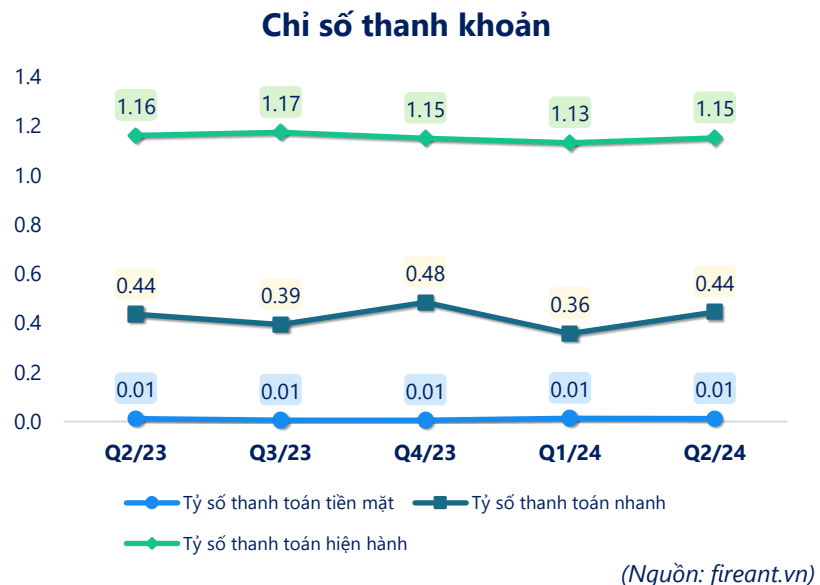
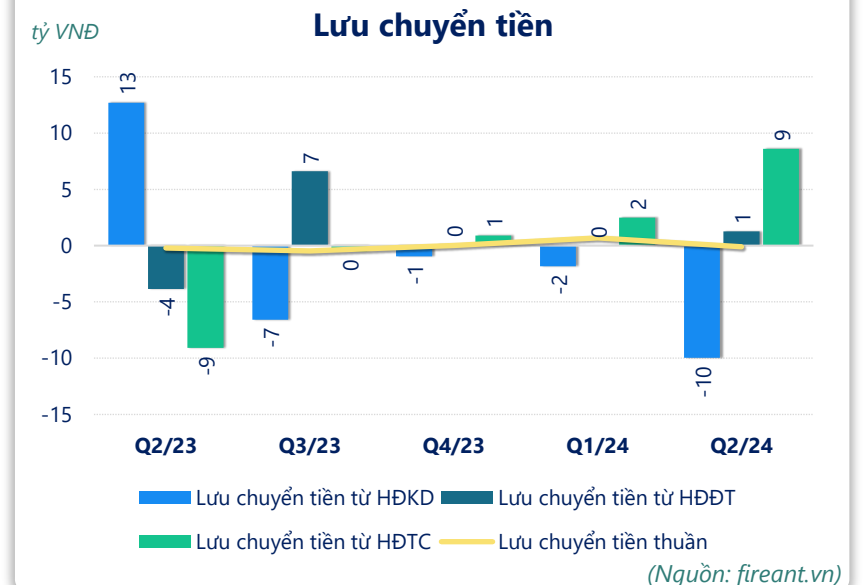


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		4,561,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,175
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42	
P/E	25.4	
EPS	358	

	YTD	1T	3T	6T
CMC	46.8%	1.1%	49.2%	62.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	162	147	10.6%
Tài sản ngắn hạn	102	86.4	18.5%
Tiền và tương đương tiền	1.02	0.44	133%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.4	24.8	10.4%
Phải thu ngắn hạn	9.27	7.38	25.5%
Hàng tồn kho	62.8	52.3	20.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.86	1.50	24.0%
Tài sản dài hạn	59.7	60.2	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.26	7.71	-5.8%
Bất động sản đầu tư	4.09	4.09	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	48.4	48.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	98.5	85.9	14.7%
Nợ ngắn hạn	88.9	76.3	16.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.2	73.1	15.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	9.63	9.63	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.21	0.21	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.6	60.7	4.8%
Vốn chủ sở hữu	63.6	60.7	4.8%
Vốn điều lệ	45.6	45.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	5.21	12.0	23.9	18.2	16.0
Giá vốn hàng bán	4.35	11.1	25.1	15.0	13.8
Lợi nhuận gộp	0.86	0.96	-1.25	3.16	2.21
Doanh thu HĐTC	1.18	1.14	0.08	0.32	1.53
Chi phí TC	-2.52	0.71	-0.69	1.02	0.60
Chi phí lãi vay	0.98	0.89	1.00	1.00	1.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.01	0.05	0.13	0.09
Chi phí QLDN	0.87	0.67	1.20	1.03	0.82
LN thuần từ HĐKD	3.64	0.71	-1.73	1.29	2.24
Lợi nhuận khác	0	-0.26	0.08	-0.06	0.00
LN trước thuế	3.64	0.45	-1.66	1.23	2.24
Lợi nhuận sau thuế	3.64	0.38	-1.66	0.90	2.01
LNST của CĐ cty mẹ	3.64	0.38	-1.66	0.90	2.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-6.57	-0.97	-1.83	-9.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.85	6.60	0.08	0.02	1.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.07	-0.50	0.90	2.50	8.61
Tiền đầu kỳ	1.11	0.89	0.42	0.44	1.12
Lưu chuyển tiền thuần	-0.22	-0.47	0.01	0.68	-0.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.89	0.42	0.44	1.12	1.02

(Nguồn: fireant.vn)